

Số: 23 /GPMT-UBND

Cẩm Giàng, ngày 31 tháng 12 năm 2024

## GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

### UỶ BAN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Giấy xác nhận đăng ký bảo vệ môi trường đơn giản số 446/GXN-UBND ngày 09/10/2014 do UBND huyện Cẩm Giàng cấp

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Meijitsu Việt Nam ngày 29/11/2024 và Văn bản số 106/CV-CT ngày 30/12/2024 của Công ty TNHH Meijitsu Việt Nam về việc chỉnh sửa, bổ sung nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của cơ sở Công ty TNHH Meijitsu Việt Nam và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 389/TTr-TNMT ngày 31 tháng 12 năm 2024

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cấp phép cho Công ty TNHH Meijitsu Việt Nam, địa chỉ tại Khu công nghiệp Phúc Điền, xã Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Nhà máy sản xuất, gia công các loại tem nhãn và đề can dùng cho các thiết bị tự động văn phòng, ô tô và thiết bị gia dụng tại lô D5, Khu công nghiệp Phúc Điền, xã Phúc Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam với các nội dung như sau:

#### **1. Thông tin chung của cơ sở**

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất, gia công các loại tem nhãn và đề can dùng cho các thiết bị tự động văn phòng, ô tô và thiết bị gia dụng.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô D5, Khu công nghiệp Phúc Điền, xã Phúc

Điền, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV mã số doanh nghiệp 0800357224 do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/11/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 10/12/2024;

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 7635134787 do Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương cấp, chứng nhận lần đầu ngày 19/11/2006, chứng nhận thay đổi lần thứ 8 ngày 05/11/2021.

1.4. Mã số thuế: 0800357224.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công các loại tem nhãn và đề can (từ giấy, từ plastic, theo công nghệ in offset, in lưới, in flexo); thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối bán buôn hàng hoá.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Đầu tư công và thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Diện tích nhà xưởng sử dụng: 10.028 m<sup>2</sup>.

- Công suất của dự án:

+ Sản xuất, gia công các loại tem nhãn và đề can (từ giấy, từ plastic, theo công nghệ in offset, in lưới, in flexo): 240.000.000 PCS/năm.

+ Thực hiện quyền xuất khẩu, nhập khẩu và phân phối bán buôn hàng hoá: Doanh thu khoảng 120.000 USD/năm.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo**

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

**Điều 2.** Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Meijitsu Việt Nam

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Meijitsu Việt Nam có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng có thẩm quyền nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này, phải kịp thời báo cáo đến Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

***Nơi nhận:***

- Công ty TNHH Meijitsu Việt Nam;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- Công thông tin điện tử huyện Cẩm Giàng;
- Lưu: VT, TNMT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Văn Công**

## Phụ lục 1

# NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 23 /GPMT-UBND  
ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ sau đó được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phúc Điền, không xả ra môi trường).

- Công ty TNHH Meijitsu Việt Nam đã ký Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với: Công ty cổ phần đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Quang (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Phúc Điền).

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

#### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

\* Nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh của Công ty được xử lý sơ bộ bằng 03 bể tự hoại 03 ngăn (thể tích 3 bể tự hoại là 95,76 m<sup>3</sup> và 48,52 m<sup>3</sup> và 4 m<sup>3</sup>) và nước thải nhà ăn xử lý sơ bộ bằng bể tách mỡ với dung tích 5 m<sup>3</sup> chảy về hố gom sau đó theo đường ống PVC D110 tự chảy vào hệ thống thoát nước thải của KCN.

\* Nước thải sản xuất: thu gom vào bể chứa nước thải có thể tích 7,8 m<sup>3</sup> và thu gom xử lý như chất thải nguy hại.

#### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

##### a) Công trình, thiết bị xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại 3 ngăn → hố gom → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải của khu công nghiệp.

+ Nước thải từ nhà ăn → Bể tách mỡ → hố gom → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải của khu công nghiệp.

- Số lượng và thể tích: 03 bể phốt 3 ngăn với thể tích là 95,76 m<sup>3</sup>; 48,52 m<sup>3</sup>; 4 m<sup>3</sup> và 01 bể tách mỡ với thể tích là 5 m<sup>3</sup>.

- Hóa chất sử dụng: Không.

*b) Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất*

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ quá trình vệ sinh khuôn in, bản in → bể chứa nước → Thu gom và xử lý như chất thải nguy hại.

- Bể chứa có thể tích 7,8 m<sup>3</sup>

- Hóa chất sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ thiết bị của hệ thống làm mát và các hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành.

- Định kỳ thuê hút bùn bể tự hoại để ngăn ngừa tình trạng tắc nghẽn bể tự hoại (01 năm/lần).

**2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm**

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất bảo đảm đáp ứng yêu cầu, điều kiện và tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của nguồn tiếp nhận nước thải.

3.2. Thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của dự án trước khi xả vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phúc Điền; đấu nối hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp theo đúng quy định của pháp luật; không được xả nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường dưới mọi hình thức.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Phúc Điền.

## Phụ lục 2

### **NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 23 /GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

#### **A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**

##### **1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Hơi dung môi phát sinh từ dây chuyền in lưới, phòng pha mực, phòng rửa khuôn.

- Nguồn số 02: Hơi dung môi phát sinh từ dây chuyền in flexo

- Nguồn số 03: Hơi dung môi phát sinh từ dây chuyền in offset

##### **2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**

**2.1. Dòng khí thải 1 (từ nguồn số 01,03):** dòng khí thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi từ quá trình in lưới và in offset;

- Tọa độ vị trí xả khí thải  $X(m) = 2314979$ ;  $Y(m) = 572259$

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 3.500 m<sup>3</sup>/h.

- Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn

**2.2. Dòng khí thải 2 (từ nguồn số 02):** dòng khí thải sau hệ thống xử lý hơi dung môi từ quá trình in flexo

- Tọa độ vị trí xả khí thải  $X(m) = 2314982$ ;  $Y(m) = 572218$

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 3.500 m<sup>3</sup>/h.

- Phương thức xả khí thải: Xả gián đoạn.

##### **2.3. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường:**

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ QCVN 20:2009/BTNMT. Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Metyl axetat	mg/Nm <sup>3</sup>	610	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	Etylaxetat	mg/Nm <sup>3</sup>	1.400		
3	Cyclohexan	mg/Nm <sup>3</sup>	1.300		
4	n-Butanol	mg/Nm <sup>3</sup>	360		

5	Metylcyclohexan	mg/Nm <sup>3</sup>	2000		
6	n-Butyl axetat	mg/Nm <sup>3</sup>	950		
7	Toluen	mg/Nm <sup>3</sup>	750		
8	Xylen	mg/Nm <sup>3</sup>	870		

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải**

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

- Khí thải phát sinh từ dây chuyền in lưới, từ phòng pha mực, rửa khuôn, từ dây chuyền in offset được quạt hút, hút vào các chụp hút sau đó theo các đường ống dẫn khí về hệ thống xử lý khí thải. Khí sạch theo ống thải thoát ra môi trường.

- Khí thải phát sinh từ dây chuyền in flexo được quạt hút, hút vào các ống hút sau đó theo các đường ống dẫn khí về hệ thống xử lý khí thải. Khí sạch theo ống thải thoát ra môi trường.

### 1.2. Công trình, thiết bị thu gom, xử lý bụi khí thải

1.2.1. Công trình, thiết bị thu gom, xử lý khí thải từ dây chuyền in lưới, phòng rửa khuôn, phòng pha mực, từ dây chuyền in offset

\* Tóm tắt quy trình công nghệ:

Khí thải từ dây chuyền in lưới, phòng rửa khuôn, phòng pha mực, từ dây chuyền in offset → Chụp hút hoặc ống hút → Đường ống dẫn khí → Quạt hút → Hộp hấp phụ than hoạt tính → Ống thải ra ngoài môi trường.

\* Công suất thiết kế: 3.500 m<sup>3</sup>/h.

\* Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này).

1.2.2. Công trình, thiết bị thu gom, xử lý khí thải từ dây chuyền in flexo

\* Tóm tắt quy trình công nghệ:

Khí thải từ dây chuyền in flexo → ống hút → Đường ống dẫn khí → Quạt hút → Hộp hấp phụ than hoạt tính → Ống thải ra ngoài môi trường.

\* Công suất thiết kế: 3.500 m<sup>3</sup>/h.

\* Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này)

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).

#### 1.4. Biện pháp, công trình, phòng ngừa ứng phó sự cố

- Đào tạo nhân viên kỹ thuật nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Trường hợp khi có sự cố xảy ra: Dừng ngay hoạt động sản xuất làm phát sinh sự cố; khắc phục sự cố, đảm bảo hệ thống thu gom xử lý khí thải đạt tiêu chuẩn sau khi khắc phục mới vận hành trở lại.

### 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Tối đa 06 tháng.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải phải vận hành thử nghiệm:

- Hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền in lưới, phòng rửa khuôn, phòng pha mực, từ dây chuyền in offset, công suất 3.500 m<sup>3</sup>/h.

- Hệ thống xử lý khí thải từ dây chuyền in flexo, công suất 3.500 m<sup>3</sup>/h.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Điểm quan trắc trên ống thải của các hệ thống xử lý bụi, khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như sau: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của các công trình xử lý chất thải.

### 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải về Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Cẩm Giàng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.



3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành thường xuyên, hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

### Phụ lục 3

## ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 23 /GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

### A. NỘI DUNG CẤP GIẤY PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Khu vực dây chuyền in lưới.
- Nguồn số 02: Khu vực dây chuyền in flexo.
- Nguồn số 03: Khu vực dây chuyền in offset.
- Nguồn số 04: Khu vực phòng dập

#### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Tọa độ nguồn số 01: X(m) = 2315345; Y(m) = 580104.
- Tọa độ nguồn số 02: X(m) = 2315340; Y(m) = 580105.
- Tọa độ nguồn số 03: X(m) = 2315350; Y(m) = 580100.
- Tọa độ nguồn số 04: X(m) = 2315352; Y(m) = 580101.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°)

#### 3. Tiếng ồn, độ rung

Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

##### 3.1. Tiếng ồn

TT	Giới hạn tối đa cho phép về tiếng ồn, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

##### 3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**

### **1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung**

- Sử dụng đệm cao su, lò xo chống rung đối với các thiết bị, máy móc.
- Kiểm tra sự cân bằng của máy khi lắp đặt, kiểm tra sự mài mòn của các chi tiết và cho dầu bôi trơn theo định kỳ.
- Đầu tư thiết bị, máy móc hiện đại.
- Công nhân làm việc liên tục tại các công đoạn phát sinh tiếng ồn được trang bị nút tai chuyên dụng để giảm tác động của tiếng ồn.
- Thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng máy móc thiết bị.

### **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung; nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 23 /GPMT-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)

**A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên, chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Mực thải in thừa có chứa thành phần nguy hại	Lỏng	195	08 02 01
2	Hộp mực in thải	Rắn	1.304	08 02 04
3	Dầu phân tán thải (Dung môi pha mực)	Lỏng	95	08 02 05
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	73	16 01 06
5	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (bóng lưu điện, tắc te, bóng đèn led,...)	Rắn	30	16 01 13
6	Dầu động cơ hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	215	17 02 03
7	Bao bì mềm (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	98	18 01 01
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	737	18 01 02
9	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khí thải ra là CTNH) thải	Rắn	135	18 01 03
10	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	5.982	18 02 01
11	Pin, ắc quy thải	Rắn	50	19 06 01
12	Nước thải có thành phần nguy hại	Lỏng	28.000	19 10 01
	<b>Tổng</b>		<b>36.914</b>	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	35.421	18 01 05
2	Bao bì nhựa (bavia nhựa, vỏ chai nước uống)	Rắn	2.461	18 01 06
3	Sắt vụn	Rắn	588	-
4	Bản kẽm	Rắn	1.317	-
5	Giấy, Bìa đã in và có dán băng dính, keo, màng phủ nilon.	Rắn	71.130	-
6	Tấm nhựa đã in và có dán băng dính, keo, màng phủ nilon.	Rắn	25.691	-

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: Khoảng 13 tấn/năm.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường**

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

Trang bị các bao bì, thùng, phuy, can.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho chứa: khu vực lưu trữ có diện tích 40 m<sup>2</sup>. Khu vực chứa chất thải nguy hại được ngăn cách với các khu vực khác bằng vách ngăn. Bên ngoài khu vực chứa chất thải nguy hại được dán các biển dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại; khu vực được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

Trang bị các bao bì, thùng chứa.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho chứa: khu vực lưu trữ có diện tích 80 m<sup>2</sup>. Khu vực chứa chất thải rắn thông thường được ngăn cách với các khu vực khác bằng vách ngăn.

### 2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị các bao bì, thùng chứa có nắp đậy.
- Thực hiện thu gom theo đúng quy định.

### 2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại tại nguồn, thu gom chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với khối lượng, phân loại chất thải phát sinh theo quy định của pháp luật.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi số 23 /GPMT-UBND  
ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Cẩm Giàng)*

**A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

**B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC**

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

**C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.
2. Giảm thiểu chất thải rắn, nước thải, khí thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất.
3. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
4. Chấp hành nghiêm chỉnh các yêu cầu của Cơ quan chức năng về bảo vệ môi trường.
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

